

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NL
TỈNH TH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/6/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoàn.

Bà Lê Thị Ngọc.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh TH tham gia phiên toà:
Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị L, sinh năm 1994. (Xin xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Làng R, xã NA, huyện NL. Nơi ở hiện nay: Làng PS, xã PG, huyện NL, tỉnh TH.

- Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1986. (Vắng mặt lần thứ hai).

Địa chỉ: Làng R, xã NA, huyện NL, tỉnh TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2025 và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Triệu Thị L trình bày: Chị và anh Lê Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã NA, huyện NL. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã. Sự việc đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kể từ tháng 9/2023, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn C theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh C có 03 con chung là Lê Thị NC, sinh ngày 10/11/2015, Lê Văn C, sinh ngày 10/11/2017 và Lê Thiện T, sinh ngày 01/11/2021, hiện nay các con đang ở cùng với anh C và ông bà nội. Mặc dù con ở với anh C, nhưng chị là người mua sắm đóng góp các khoản cho các con học tập và gửi tiền cho anh C chăm sóc nuôi dưỡng các con, hai con là Lê Thị NC và Lê Văn C đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết giao 02 con là Lê Thị NC và Lê Văn C cho chị chăm sóc nuôi dưỡng và giao cho anh C chăm sóc nuôi dưỡng con chung Lê Thiện T, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/3/2025 bị đơn là anh Lê Văn C trình bày: Anh và chị Triệu Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã NA, huyện NL. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh và chị L không hợp nhau về quan điểm sống, khi mâu thuẫn xảy ra được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Mâu thuẫn trầm trọng vào khoảng tháng 9/2023, chị L đã về nhà mẹ đẻ tại thôn PS, xã PG, anh và chị L đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn.

Về con chung: Anh và chị L có 03 con chung là Lê Thị NC, sinh ngày 10/11/2015, Lê Văn C, sinh ngày 10/11/2017 và Lê Thiện T, sinh ngày 01/11/2021, hiện nay các con đang ở cùng với anh và ông bà nội. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả 03 con, anh yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng một con, ba con là 3.000.000 đồng một tháng cho đến khi các con thành niên.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. chị Lê xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần thứ hai, đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định pháp luật. Việc tổng đạt văn bản tố tụng Tòa án đã thực hiện phù hợp với pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 BLTTDS. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Triệu Thị L được ly hôn anh Lê Văn C. Giao 02 con là Lê Thị NC và Lê Văn C cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng và giao con Lê Thiện T cho anh C chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Buộc chị L phải chịu án ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Triệu Thị L khởi kiện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện NL, theo khoản 1 Điều 28; Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C, nhưng anh C không có mặt thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Tòa án đã thông báo kết quả cho anh C theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Chị L xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Triệu Thị L và anh Lê Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2014, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2023 đến nay, không ai quan tâm tới ai. Sau khi làm bản tự khai, anh C không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa, điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L và anh C có 03 con chung. Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị L và anh C là chính đáng. Tuy nhiên anh C xin nuôi cả 3 con, yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, điều đó cho thấy điều kiện vật chất của anh C chưa đảm bảo để nuôi con, trong quá trình giải quyết chị L trình bày, con ở với anh C, nhưng chị là người cung cấp tiền và chăm lo cho các con học hành. Mặt khác anh C chỉ trình bày ý kiến tại bản tự khai, nhưng không cung cấp được chứng cứ về điều kiện nuôi con, không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa, vì vậy nguyện vọng của anh C là không hợp lý, không hợp tình. Nguyện vọng nuôi con của chị L phù hợp với nguyện vọng của các cháu C và C, nên chấp nhận đề nghị của chị L.

[4] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Triệu Thị L được ly hôn anh Lê Văn C.

2. Về con chung: Giao 02 con là Lê Thị NC, sinh ngày 10/11/2015 và Lê Văn C, sinh ngày 10/11/2017 cho chị Triệu Thị L chăm sóc nuôi dưỡng và giao con là Lê Thiện T, sinh ngày 01/11/2021 cho anh Lê Văn C chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên. Chị L và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Triệu Thị L và anh Lê Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, ngăn cấm.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL, theo biên lai số 0002532 ngày 05/3/2025. Chị Triệu Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Triệu Thị L và anh Lê Văn C. Chị L và anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện NL;
- Tòa án nhân dân tỉnh TH
- Các đương sự;
- UBND xã NA, huyện NL;
- Chi cục THADS huyện NL;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA